

Số: 2035 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19
(Từ 16h00 ngày 09/12/2021 đến 16h00 ngày 10/12/2021)**

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc tới nay hơn 268,7 triệu ca và hơn 5,3 triệu ca tử vong.

Số ca mắc ghi nhận hàng ngày tại Nhật Bản hiện chỉ ở mức vài ca trên 1 triệu dân, thấp nhất trong số các nền kinh tế lớn ngoại trừ Trung Quốc, và tỷ lệ tử vong do Covid-19 cũng về mức 0 liên tiếp trong những ngày gần đây.

Theo hãng tin Yonhap, số ca nhiễm mới ở Hàn Quốc ngày 9/12 ở mức trên 7.000 trường hợp ngày thứ hai liên tiếp và số bệnh nhân nặng hiện ở mức cao nhất từ trước tới nay khi miễn dịch suy yếu và thời tiết lạnh hơn. Số lượng bệnh nhân mắc Covid-19 thể nặng đã tăng cao kỷ lục, lên 857 trường hợp, tăng từ mức 840 ca một ngày trước đó. Việc này đã gây thêm căng thẳng cho hệ thống chăm sóc sức khỏe vốn đã quá tải của Hàn Quốc (83,4% số ca nặng là người 60 tuổi trở lên).

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 10/12/2021, cả nước ghi nhận 1.382.272 ca mắc, trong đó 1.378.500 ca trong nước. Đến nay đã có 1.052.341 người khỏi bệnh, 27.186 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 1.379.420 ca, trong đó có 1.376.930 ca trong nước (99,8%), 1.049.524 người đã khỏi bệnh (76%), 27.151 tử vong tại 51 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1, 2).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 14.839 ca mắc mới, trong đó 14.819 ca ghi nhận trong nước (giảm 481 ca so với ngày trước đó) tại 57 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hồ Chí Minh (1.226), Sóc Trăng (894), Tây Ninh (893), Cà Mau (822), Đồng Tháp (744), Bến Tre (712), Cần Thơ (675), Hà Nội (637), Khánh Hòa (587), Bình Phước (579), Bạc Liêu (570), Vĩnh Long (556), Đồng Nai (434), Bình Dương (381), Bà Rịa - Vũng Tàu (381), Tiền Giang (376), An Giang (355), Trà Vinh (352), Hậu Giang (335), Kiên Giang (328), Bình Định (232), Bình Thuận (219), Đà Nẵng (198), Thanh Hóa (192), Lâm Đồng (186), Thừa Thiên Huế (182), Hải Phòng (180), Bắc Ninh (146), Hưng Yên (144), Nghệ An (124), Quảng Nam (122), Hải Dương (101), Hà Giang (94), Ninh Thuận (88), Phú Yên (74), Gia Lai (67), Quảng Bình (57), Lạng Sơn (55), Long An (55), Đắk Nông (54), Thái Nguyên (52), Vĩnh Phúc (48), Hòa Bình (48), Quảng Ngãi (44), Nam Định (34), Thái Bình (31), Quảng Trị (29), Quảng Ninh (28), Lào Cai (22), Phú Thọ (15), Yên Bái (14), Hà Tĩnh (12), Bắc Giang (11), Sơn La (8), Điện Biên (6), Tuyên Quang (6), Hà Nam (4).

+ Có 20 ca nhập cảnh ghi nhận tại Yên Bái (8), Hồ Chí Minh (8), Tây Ninh (2), Hà Nội (1), Quảng Nam (1).

- TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 637 ca mắc, trong đó 98 ca sàng lọc tại cơ sở y tế, 153 ca tầm soát trong cộng đồng, 279 ca trong khu cách ly và 107 ca trong khu phong tỏa. Số mắc mới (637 ca) được phân bố tại 27 quận, huyện như sau: Đống Đa 133, Gia Lâm 71, Nam Từ Liêm 60, Hoàn Kiếm 55, Hà Đông 32, Đông Anh 32, Hoài Đức 26, Tây Hồ 25, Cầu Giấy 23, Thanh Trì 22, Phú Xuyên 18, Thanh Oai 18, Hai Bà Trưng 14, Quốc Oai 12, Thanh Xuân 11, Mê Linh 10, Bắc Từ Liêm 9, Long Biên 9, Hoàng Mai 8, Đan Phượng 7, Chương Mỹ 7, Ba Đình 7, Thường Tín 6, Mỹ Đức 5, Thạch Thất 4, Sóc Sơn 2, Ứng Hòa 2 và 9 ca đang điều tra.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Đắk Lắk (giảm 317), Hồ Chí Minh (giảm 227), Bà Rịa-Vũng Tàu (giảm 195).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Bến Tre (tăng 195), Bạc Liêu (tăng 143), Hải Phòng (tăng 122).

- Có 2/63 tỉnh (Bắc Kạn, Lai Châu) không có lây nhiễm thứ phát trên địa bàn trong 14 ngày qua.

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 8.843 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 59,7% tổng số mắc trong ngày), bằng với ngày trước đó.

+ Tỉnh Đồng Nai: Trong ngày ghi nhận 267 ca cộng đồng (tăng 63 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 91.490 ca.

+ Tỉnh Kiên Giang: Trong ngày ghi nhận 111 ca cộng đồng (giảm 4 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 23.868 ca.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 251 ca cộng đồng (giảm 342 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 16.069 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 175 ca cộng đồng (tăng 9 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 7.317 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Bến Tre tăng 1.513 ca, Tây Ninh tăng 664 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: TP. Hồ Chí Minh (giảm 1.582 ca), Bà Rịa - Vũng Tàu (giảm 996 ca), TP. Cần Thơ (giảm 514 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 1.049.524 người đã khỏi bệnh (76%), tăng 1.362 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 302.745 trường hợp, trong đó có 7.681 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 5.294; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 1.267; (3) Thở máy không xâm lấn: 257; (4) Thở máy xâm lấn: 849; (5) EMO: 14.

Trong ngày 09/12, ghi nhận 256 trường hợp tử vong (tăng 26 trường hợp so với ngày trước đó), gồm:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (76) trong đó có 12 ca từ các tỉnh chuyển đến như sau: Bình Dương (1), Đồng Nai (1), Lâm Đồng (1), Long An (2), Phú Yên (2), Tây Ninh (3), Tiền Giang (1), Thanh Hóa (1).

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: An Giang (37 ca tử vong trong 02 ngày 08-09/12/2021), Tây Ninh (16), Bình Dương (16), Đồng Nai (13), Tiền Giang (11), Kiên Giang (11), Đồng Tháp (17 ca tử vong trong 02 ngày 08-09/12/2021), Cần Thơ (10), Vĩnh Long (8), Long An (6), Bình Thuận (5), Bến Tre (5), Sóc Trăng (5), Đắk Lắk (4), Bà Rịa - Vũng Tàu (3), Hậu Giang (3), Bạc Liêu (2), Hà Nội (1), Bắc Ninh (1),

Bình Định (1), Ninh Thuận (1), Hải Phòng (1), Khánh Hòa (1), Lâm Đồng (1), Cà Mau (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Chuẩn bị tài liệu, báo cáo tại cuộc họp Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 chủ trì cuộc họp trực tuyến toàn quốc với 63 tỉnh, thành phố.

- Bộ Y tế chỉ đạo các địa phương khẩn trương đẩy nhanh tiến độ tiêm vaccine phòng COVID-19 cho người dân trong độ tuổi chỉ định; đảm bảo tiêm chủng an toàn theo các quy định và hướng dẫn của Bộ Y tế, đặc biệt lưu ý và ưu tiên tiêm chủng cho đối tượng là người từ 50 tuổi trở lên, người mắc bệnh nền.

- Xây dựng hướng dẫn quản lý, bảo vệ người thuộc nhóm nguy cơ mắc COVID-19 để kịp thời theo dõi sức khỏe, điều trị sớm nhằm hạn chế thấp nhất nguy cơ tử vong là rất cấp thiết và để tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 vừa an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch vừa phục hồi phát triển kinh tế.

- Tiếp tục xây dựng dự thảo hướng dẫn về áp dụng biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 đối với người nhập cảnh.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 09/12/2021, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 33.262.491 mẫu cho 74.651.692 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 27.600.846 mẫu tương đương 70.903.753 lượt người, tăng 152.937 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.453.933 mẫu gộp cho 45.721.573 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Từ tháng 3/2021 đến hết ngày 09/12/2021, Việt Nam đã tiếp nhận 156.421.594 liều vắc xin phòng COVID-19, cụ thể:

* Theo loại vắc xin:

- + Vắc xin AstraZeneca: 53.743.276 liều
- + Vắc xin Pfizer và Moderna: 47.319.320 liều
- + Vắc xin Sinopharm: 48.700.000 liều
- + Vắc xin Abdala: 5.150.000 liều
- + Sputnik V: 1.508.998 liều

* Theo nguồn vắc xin:

- Nguồn Ngân sách nhà nước: 77.595.506 liều
- + 28.429.296/30.000.000 liều vắc xin mua của AstraZeneca.
- + 23.766.210 /51.000.000 liều vắc xin mua của PfiZer.
- + 20.000.000 /20.000.000 liều vắc xin mua của Sinopharm
- + 5.000.000 /5.000.000 liều vắc xin Abdala mua của Cuba.
- + 400.000 liều vắc xin AstraZeneca mua của Chính phủ Hungary.

- Nguồn viện trợ COVAX: 33.619.810 liều

- Nguồn viện trợ Chính phủ các nước: 18.322.880 liều

- Nguồn doanh nghiệp tài trợ: 26.883.398 liều (trong đó Tập đoàn Vạn Thịnh Phát hỗ trợ 25.000.000 liều vắc xin Sinopharm).

Trong tổng số 156.421.594 liều đã tiếp nhận, Bộ Y tế đã phân bổ 100 đợt vắc xin phòng COVID-19 với tổng số 143,4 triệu liều, còn khoảng 13 triệu liều mới tiếp nhận, đang tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng

Đến hết ngày 09/12/2021, cả nước đã tiêm được 131.033.342 liều (tăng 970.575 liều so với ngày trước đó), tỷ lệ sử dụng đạt 91,4% số vắc xin phân bổ 100 đợt; trong đó có 74.647.961 liều mũi 1 và 56.385.381 liều mũi 2.

Các địa phương, đơn vị đang nỗ lực triển khai tiêm chủng để nhanh chóng đạt được độ bao phủ mũi 1 cho những đối tượng trong độ tuổi chỉ định tiêm chủng trong năm 2021 và trả mũi 2 cho những người đã tiêm mũi 1 đủ thời gian.

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 124.218.056 liều, trong đó có 69.029.637 liều mũi 1 và 55.188.419 liều mũi 2. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 96,5% và tỷ lệ tiêm đủ 02 liều vắc xin là 77,1% dân số từ 18 tuổi trở lên. Theo khu vực, tỷ lệ này lần lượt ở miền Bắc là 93,1% và 69,1%; miền Trung là 93,2% và 76,2%; Tây Nguyên là 91,1% và 61,2%; miền Nam là 99,4% và 85,9%.

- Có 61/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin cho trên 80% dân số từ 18 tuổi trở lên, trong đó có 30 tỉnh đạt tỷ lệ trên 95% là Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Nghệ An, Tuyên Quang, Lào Cai, Điện Biên, Đà Nẵng, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Nông, TP. HCM, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Long An, Lâm Đồng, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Dương, Bình Phước, Kiên Giang, Hậu Giang.

- 2/63 tỉnh, thành phố còn lại có tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin dưới 80% dân số từ 18 tuổi trở lên là Hoà Bình (77,0%) và Hà Giang (78,4%). Bộ Y tế đã phân bổ vắc xin cho các địa phương này để tăng nhanh diện bao phủ tiêm chủng.

- Hiện đã có 58/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều vắc xin cho dân số từ 18 tuổi trở lên đạt trên 50%, trong đó có 41 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ trên 70%. Các tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ trên 90% là Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Đắk Nông, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai, Long An, Lâm Đồng, Cần Thơ, Vĩnh Long và Cà Mau.

- Về triển khai tiêm chủng cho đối tượng từ 12-17 tuổi: Các tỉnh, thành phố đã triển khai tiêm được 6.815.286 liều (tăng 431.927 liều so với ngày trước đó), trong đó có 5.618.324 liều mũi 1 và 1.196.962 liều mũi 2. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 61,5% và tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều vắc xin là 13,1% dân số từ 12 -17 tuổi.

(Chi tiết phân bố và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Công tác truy vết: Tích lũy từ ngày 27/4/2021 đến ngày 10/12/2021, cả nước đã truy vết được 957.655 trường hợp F1, trong đó có 834.633 trường hợp đã được xét nghiệm.

VIII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

IX. Nhận định

Đến nay, tình hình dịch cơ bản được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, số ca mắc cộng đồng và tử vong tiếp tục có xu hướng gia tăng ở nhiều địa phương trên cả nước (trong tuần số mắc cộng đồng tăng tại 40 tỉnh, thành phố). Dịch bệnh đã lưu hành trong cộng đồng, có nguy cơ xuất hiện các ổ dịch mới, có khả năng bùng phát bất cứ lúc nào, nhất là tại các địa phương có mật độ dân cư cao, giao thương, đi lại lớn. Thời gian tới, cần tiếp tục tăng cường các biện pháp phòng chống dịch nhất là giám sát phát hiện sớm, điều trị giảm bệnh nặng, tử vong và tiêm chủng vắc xin do thời tiết chuyển mùa Đông-Xuân thuận lợi cho sự phát triển, lây lan của vi rút, gia tăng giao thương đi lại dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán 2022 và nguy cơ xâm nhập của biến chủng mới; bên cạnh đó, có tâm lý chủ quan, lơ là, mất cảnh giác của một số đơn

vị, người dân trong việc thực hiện quy định về phòng, chống dịch sau một thời gian dài nói lòng giãn cách xã hội.

X. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm, hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP và Quyết định số 4800/QĐ-BYT; linh hoạt tăng cấp độ phòng, chống dịch (từ cấp độ 3 lên cấp độ 4) ở một số khu vực có diễn biến dịch phức tạp để nhanh chóng kiểm soát tình hình, ngăn chặn hiệu quả lây nhiễm. Thực hiện hiệu quả nguyên tắc: 5K+ vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân; có kế hoạch chuẩn bị công tác phòng, chống dịch bệnh trong dịp Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán 2022; tổ chức sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ.

2. Về công tác y tế:

(1) Tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch do biến chủng Omicron gây ra; tăng cường giám sát, quản lý các trường hợp nhập cảnh từ nước ngoài, đặc biệt các trường hợp đi/đến các quốc gia, khu vực đã ghi nhận biến chủng mới; chuẩn bị các phương án về vắc xin, thuốc điều trị và các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp với biến chủng mới của SARS-CoV-2. Xây dựng và ban hành các hướng dẫn mới, cập nhật về cách ly, xét nghiệm và điều trị.

(2) Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vi rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu. Phân bổ đủ thuốc kháng vi rút để phục vụ công tác điều trị người bệnh COVID-19. Khuyến khích thành lập các mô hình đội tình nguyện; huy động sự tham gia của các tổ chức tôn giáo, tình nguyện viên... để tổ chức triển khai hoạt động chăm sóc F0 dựa vào cộng đồng; về cơ bản chuyển điều trị tại cộng đồng.

(3) Tổ chức hiệu quả việc quản lý rủi ro; khẩn trương rà soát, tiêm ngay cho các đối tượng chưa được tiêm, chưa tiêm đủ mũi vắc xin, nhất là đối với người cao tuổi, người mắc bệnh nền; chủ động tiêm mũi bổ sung cho các đối tượng nguy cơ cao. Tổ chức các đội lưu động “đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng đối tượng” lập danh sách người thuộc nhóm nguy cơ cao để quản lý, tiêm vắc xin, hỗ trợ tiếp cận dịch vụ y tế sớm, điều trị kịp thời. Tiếp tục chủ động thực hiện xét nghiệm định kỳ.

(4) Tăng cường đảm bảo an toàn phòng, chống dịch trong các khu công nghiệp, trường học; kiểm tra phòng, chống dịch tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhất là tại bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, sân bay, bến xe...

(5) Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị khẩn trương nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

3. Tiểu ban An toàn trật tự xã hội phòng, chống dịch COVID-19 Bộ Công an tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai và hoàn thành công tác trọng tâm bảo đảm an ninh, trật tự phục vụ phòng, chống dịch bệnh.

4. Tiếp tục rà soát tổng thể các chính sách an sinh xã hội đang triển khai để kịp thời cập nhật, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế; phối hợp chặt chẽ với các tiểu ban, cơ quan chức năng liên quan, chính quyền địa phương thực hiện nhiệm vụ an sinh

xã hội thiết thực, hiệu quả, phù hợp, thích ứng tình hình mới theo Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ.

5. Tăng cường kiểm tra thực tế tại các địa phương, chủ động hướng dẫn, xử lý kịp thời các tồn tại, vướng mắc liên quan đến công tác sản xuất kinh doanh và lưu thông hàng hóa. Triển khai thực hiện Kế hoạch phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, gắn với phòng, chống dịch COVID-19 trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán và mùa Lễ hội xuân năm 2022.

6. Tiếp tục vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm và mọi tầng lớp nhân dân tham gia hỗ trợ công tác phòng, chống dịch COVID-19. Đẩy mạnh công tác nắm tình hình tại cơ sở trong phòng, chống dịch, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

7. Tiếp tục triển khai các giải pháp về tài chính, hậu cần; thường xuyên rà soát về nhân lực, vật tư, thiết bị y tế, cơ sở điều trị để đáp ứng với diễn biến dịch bệnh trên địa bàn, bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống dịch.

8. Đẩy mạnh công tác truyền thông về chủ trương của Đảng, Nhà nước, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong phòng, chống dịch bệnh; chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, nhất là về phân bổ chủng loại vắc xin, tiến độ tiêm chủng, phản ứng phụ sau tiêm để người dân yên tâm thực hiện; tiếp tục đề cao ý thức người dân, người dân là mục tiêu, là động lực, là trung tâm, là chủ thể trong phòng chống dịch; tăng cường đấu tranh, phản bác thông tin xuyên tạc, kích động, sai sự thật.

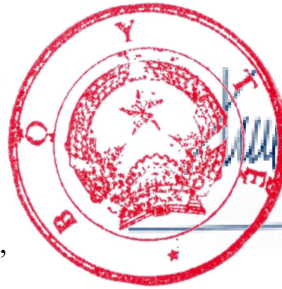
Ứng dụng hiệu quả các giải pháp công nghệ khai báo y tế và kiểm soát đi lại giữa các địa phương để người dân di chuyển thuận lợi, không để ách tắc lưu thông hàng hóa, sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh./.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

| TT | Địa phương, đơn vị | Số mắc ngày 9/12 | Số mắc ngày 10/12 | Tăng, giảm (-) so với ngày trước | Số mắc tích lũy đến 10/12 | Số tử vong tích lũy đến 9/12 |
|--|--------------------|------------------|-------------------|----------------------------------|---------------------------|------------------------------|
| Có lấy nhiệm vụ phát trong 14 ngày qua: | | 15.297 | 14.819 | -478 | 1.376.676 | 27.151 |
| 1 | Hồ Chí Minh | 1.453 | 1.226 | -227 | 484.602 | 18.693 |
| 2 | Bình Dương | 489 | 381 | -108 | 286.459 | 2.861 |
| 3 | Đồng Nai | 501 | 434 | -67 | 91.490 | 871 |
| 4 | Long An | 79 | 55 | -24 | 39.021 | 689 |
| 5 | Tây Ninh | 895 | 893 | -2 | 36.873 | 374 |
| 6 | Đồng Tháp | 730 | 744 | 14 | 28.753 | 329 |
| 7 | Tiền Giang | 568 | 376 | -192 | 27.665 | 628 |
| 8 | Cần Thơ | 670 | 675 | 5 | 26.921 | 338 |
| 9 | An Giang | 300 | 355 | 55 | 26.233 | 553 |
| 10 | Kiên Giang | 314 | 328 | 14 | 23.868 | 328 |
| 11 | Sóc Trăng | 789 | 894 | 105 | 22.204 | 138 |
| 12 | Bình Thuận | 249 | 219 | -30 | 21.141 | 168 |
| 13 | BRVT | 576 | 381 | -195 | 20.916 | 77 |
| 14 | Bạc Liêu | 427 | 570 | 143 | 18.445 | 153 |
| 15 | Khánh Hòa | 494 | 587 | 93 | 18.038 | 113 |
| 16 | Vĩnh Long | 568 | 556 | -12 | 16.888 | 134 |
| 17 | Hà Nội | 822 | 637 | -185 | 16.069 | 49 |
| 18 | Cà Mau | 720 | 822 | 102 | 15.023 | 62 |
| 19 | Bến Tre | 517 | 712 | 195 | 13.790 | 77 |
| 20 | Bình Phước | 631 | 579 | -52 | 13.511 | 27 |
| 21 | Trà Vinh | 295 | 352 | 57 | 11.014 | 54 |
| 22 | Đắc Lắc | 317 | 0 | -317 | 8.797 | 48 |
| 23 | Hậu Giang | 275 | 335 | 60 | 8.085 | 20 |
| 24 | Đà Nẵng | 180 | 198 | 18 | 7.317 | 75 |
| 25 | Bắc Giang | 20 | 11 | -9 | 7.161 | 14 |
| 26 | Bình Định | 345 | 232 | -113 | 6.798 | 26 |
| 27 | Bắc Ninh | 154 | 146 | -8 | 6.092 | 16 |
| 28 | T.T.Huế | 150 | 182 | 32 | 6.057 | 12 |
| 29 | Nghệ An | 139 | 124 | -15 | 5.495 | 30 |
| 30 | Hà Giang | 66 | 94 | 28 | 5.329 | 6 |
| 31 | Ninh Thuận | 89 | 88 | -1 | 4.566 | 47 |
| 32 | Gia Lai | 187 | 67 | -120 | 4.322 | 10 |
| 33 | Phú Yên | 106 | 74 | -32 | 4.276 | 40 |
| 34 | Lâm Đồng | 210 | 186 | -24 | 4.135 | 14 |
| 35 | Thanh Hóa | 142 | 192 | 50 | 3.640 | 11 |
| 36 | Quảng Nam | 118 | 122 | 4 | 3.617 | 9 |
| 37 | Đắc Nông | 54 | 54 | 0 | 3.440 | 9 |
| 38 | Quảng Ngãi | 21 | 44 | 23 | 3.237 | 17 |
| 39 | Quảng Bình | 114 | 57 | -57 | 2.935 | 7 |
| 40 | Phú Thọ | 14 | 15 | 1 | 2.244 | 2 |
| 41 | Nam Định | 49 | 34 | -15 | 1.972 | 1 |
| 42 | Hải Phòng | 58 | 180 | 122 | 1.900 | 2 |
| 43 | Vĩnh Phúc | 49 | 48 | -1 | 1.607 | 3 |
| 44 | Thái Bình | 64 | 31 | -33 | 1.579 | |

| TT | Địa phương, đơn vị | Số mắc ngày 9/12 | Số mắc ngày 10/12 | Tăng, giảm (-) so với ngày trước | Số mắc tích lũy đến 10/12 | Số tử vong tích lũy đến 9/12 |
|--|--------------------|------------------|-------------------|----------------------------------|---------------------------|------------------------------|
| 45 | Hà Nam | 4 | 4 | 0 | 1.526 | |
| 46 | Hưng Yên | 44 | 144 | 100 | 1.392 | 2 |
| 47 | Hải Dương | 0 | 101 | 101 | 1.366 | 1 |
| 48 | Hà Tĩnh | 28 | 12 | -16 | 1.272 | 5 |
| 49 | Quảng Trị | 2 | 29 | 27 | 1.164 | 2 |
| 50 | Quảng Ninh | 28 | 28 | 0 | 973 | 1 |
| 51 | Thái Nguyên | 28 | 52 | 24 | 940 | |
| 52 | Tuyên Quang | 9 | 6 | -3 | 727 | |
| 53 | Hòa Bình | 21 | 48 | 27 | 676 | 2 |
| 54 | Lạng Sơn | 49 | 55 | 6 | 664 | 2 |
| 55 | Kon Tum | 15 | 0 | -15 | 493 | |
| 56 | Điện Biên | 6 | 6 | 0 | 488 | |
| 57 | Sơn La | 3 | 8 | 5 | 407 | |
| 58 | Yên Bái | 14 | 14 | 0 | 299 | |
| 59 | Ninh Bình | 32 | 0 | -32 | 294 | |
| 60 | Lào Cai | 5 | 22 | 17 | 263 | |
| 61 | Cao Bằng | 1 | - | -1 | 207 | 1 |
| 14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương: | | 3 | 0 | -3 | 72 | 0 |
| 1 | Lai Châu | | | | 39 | |
| 2 | Bắc Kạn | 3 | 0 | -3 | 33 | |
| Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới: | | | | | 202 | - |
| | BVND TW | | | | 96 | |
| | BV K | | | | 106 | |
| | Tổng cộng | 15.300 | 14.819 | -481 | 1.376.950 | 27.151 |

PHỤ LỤC 2

Tình hình COVID-19 toàn quốc và một số địa phương từ ngày 27/4/2021 đến nay

Tổng số ca mắc trong nước
1.376.930
(trong ngày: 14.819)

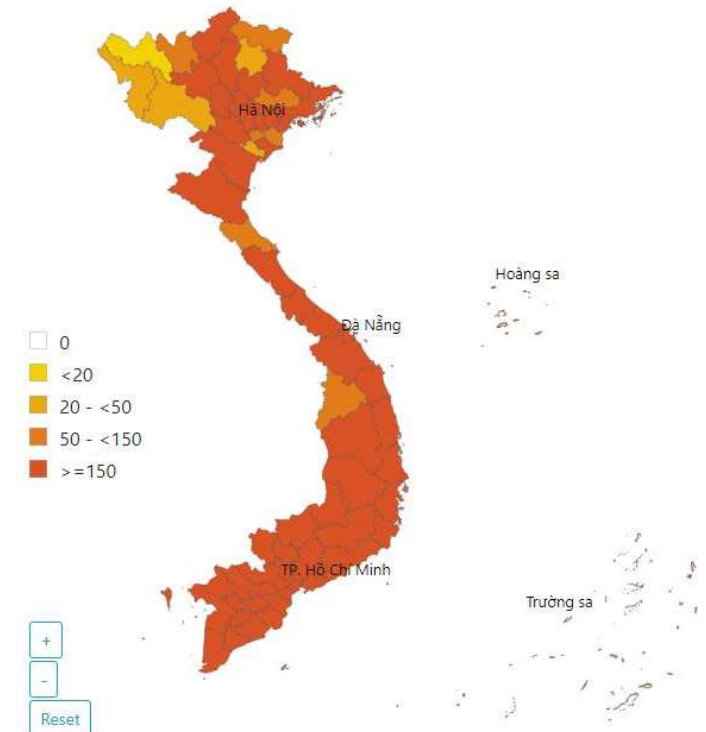
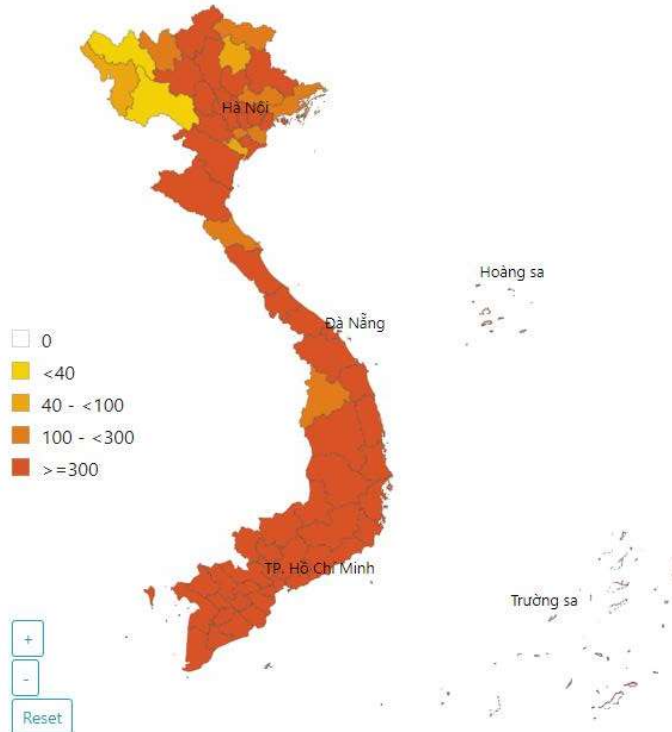
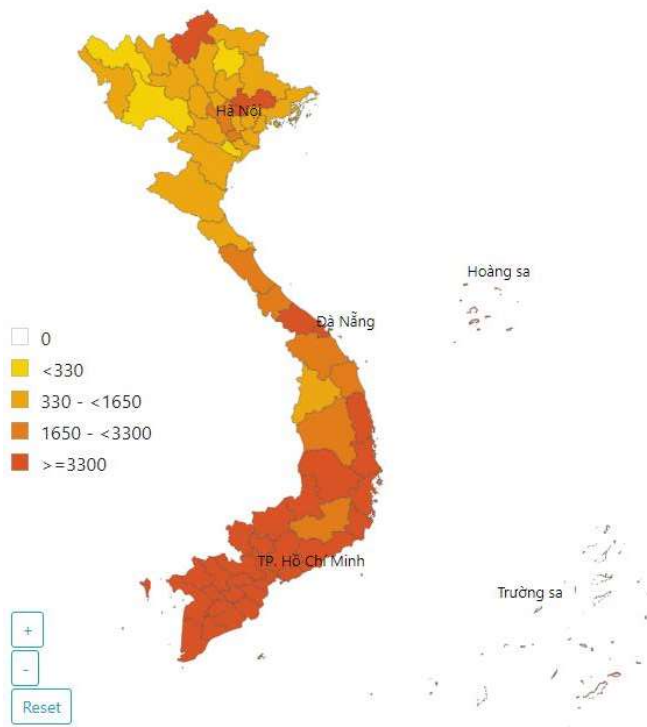
Tổng số ca mắc trong cộng đồng
684.497
(trong ngày: 8.843)

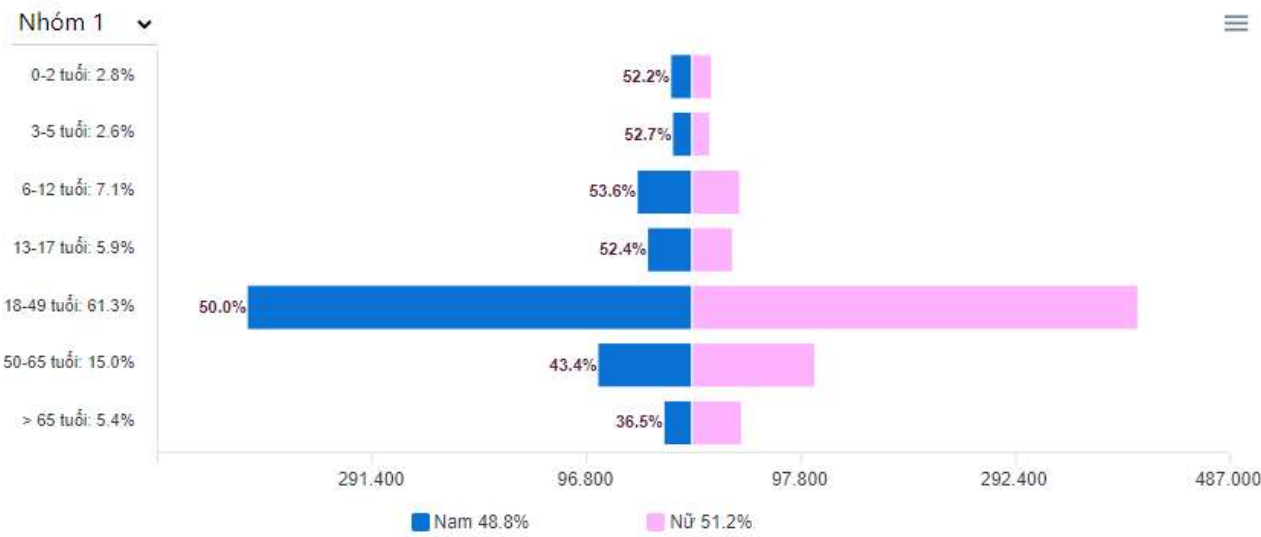
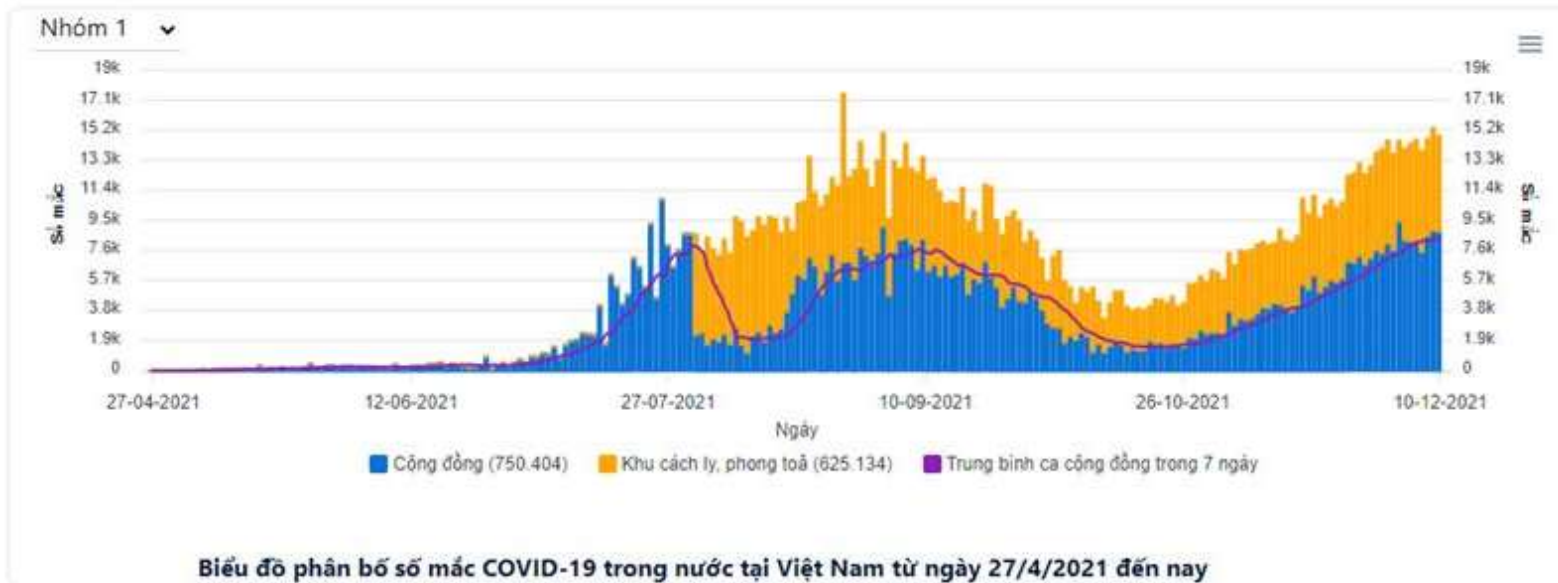
1. Cả nước

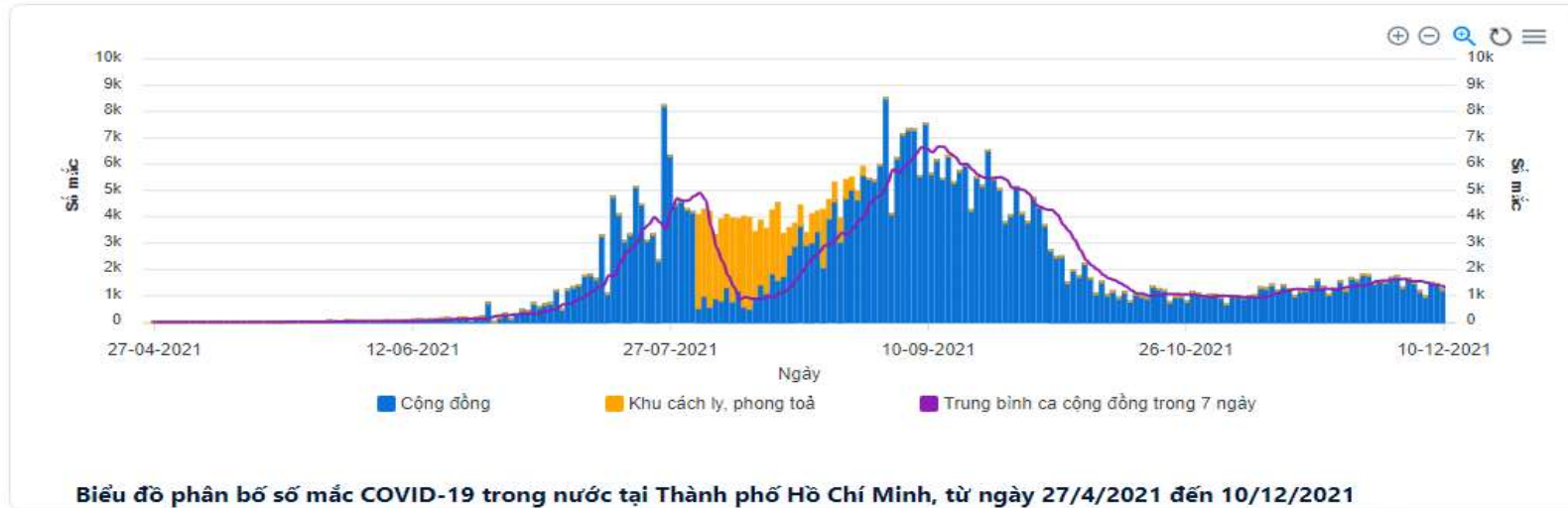
Bản đồ phân bố số mắc trên 100.000 dân theo tỉnh, thành phố từ ngày 27/4/2021 đến nay

Bản đồ phân bố số mắc trên 100.000 dân theo tỉnh, thành phố trong 14 ngày qua

Bản đồ phân bố số mắc trên 100.000 dân theo tỉnh, thành phố trong 7 ngày qua

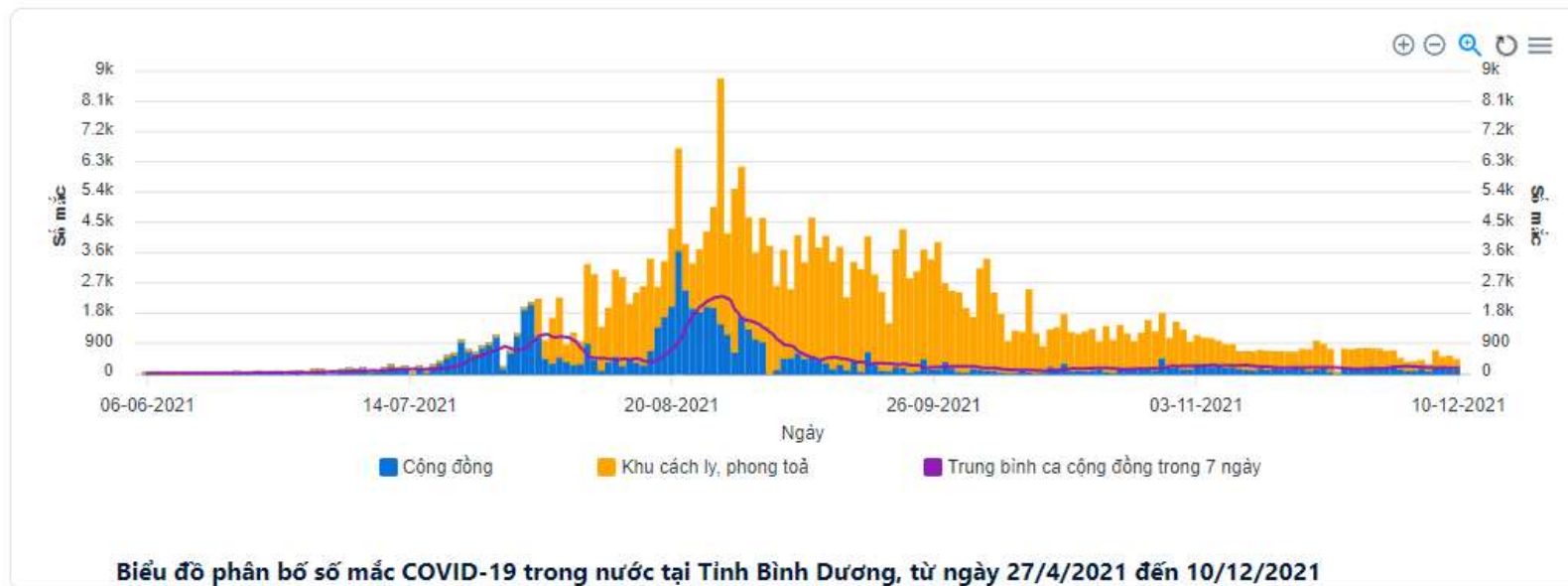




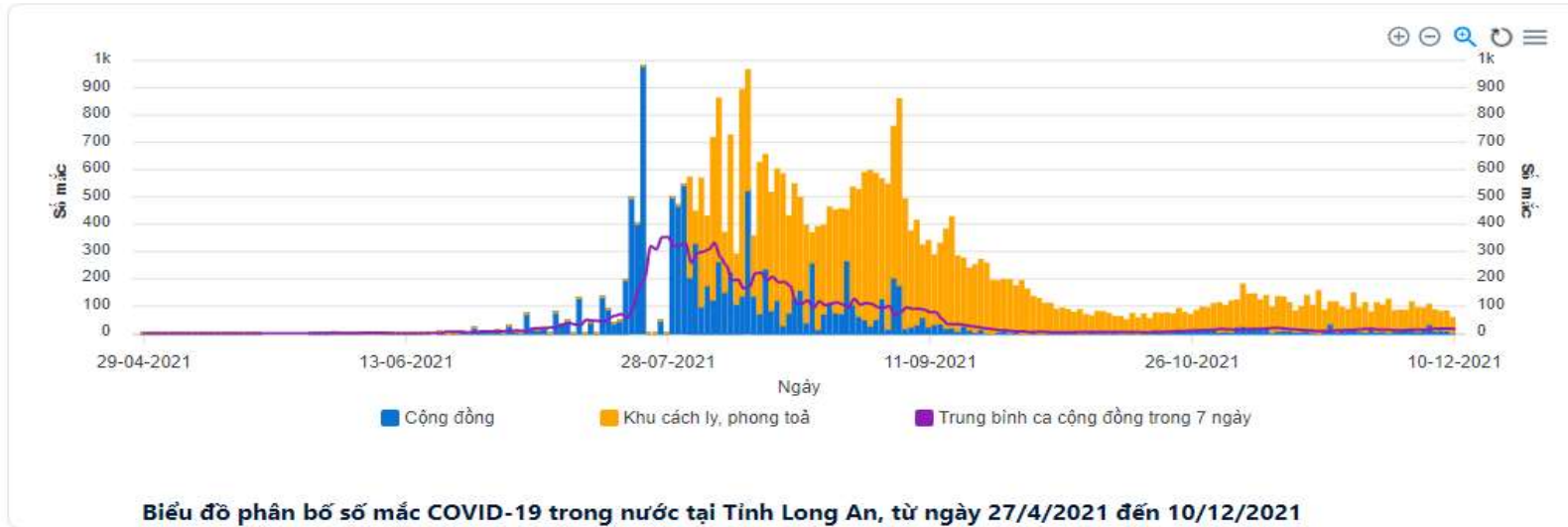


2. Thành phố Hồ Chí Minh

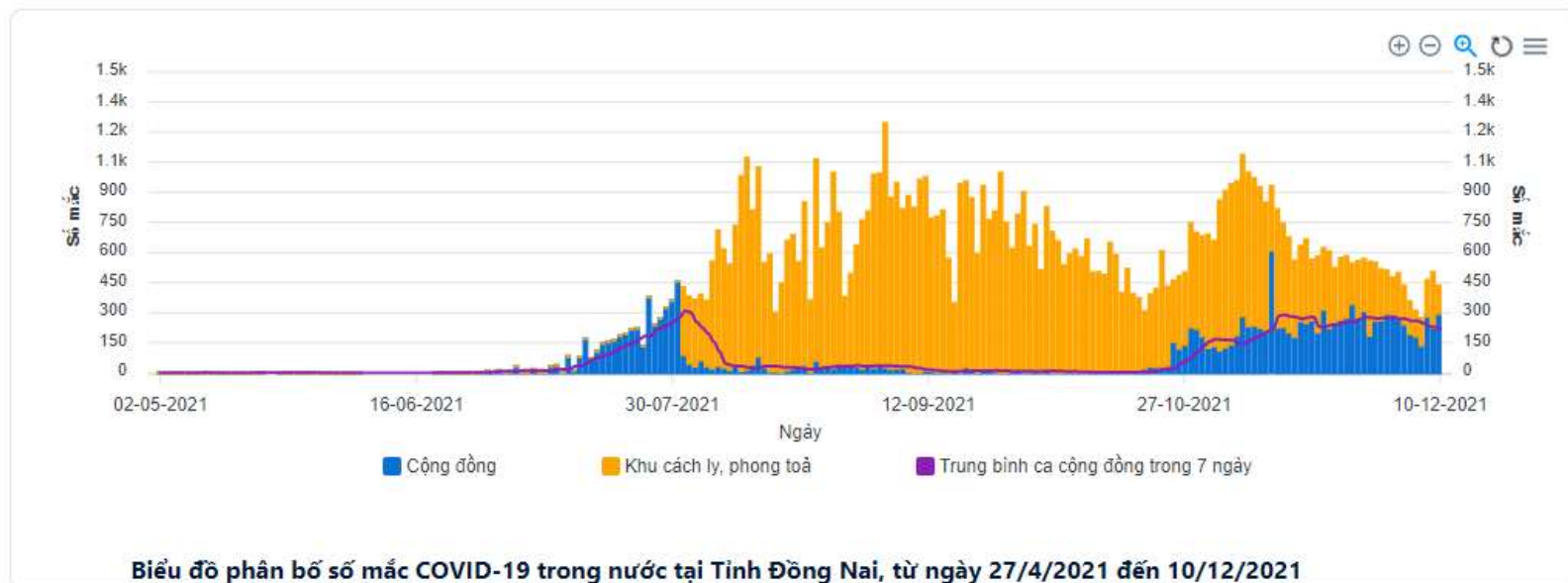
3. Tỉnh Bình Dương



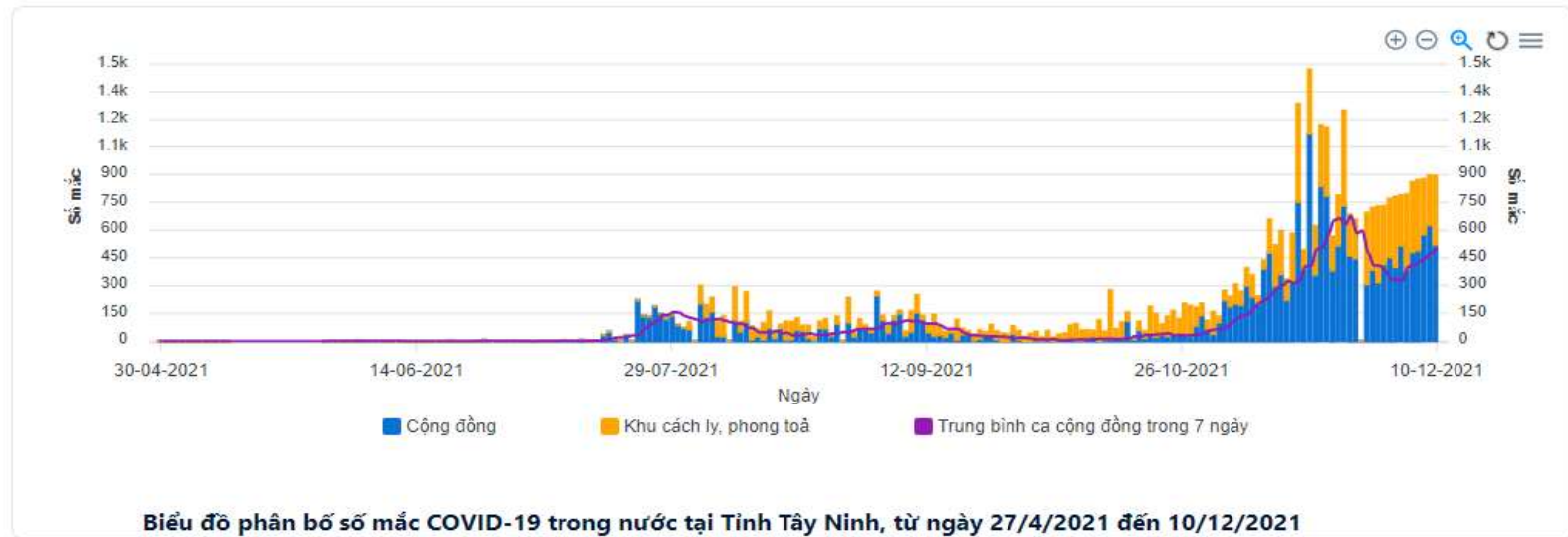
4. Tỉnh Long An



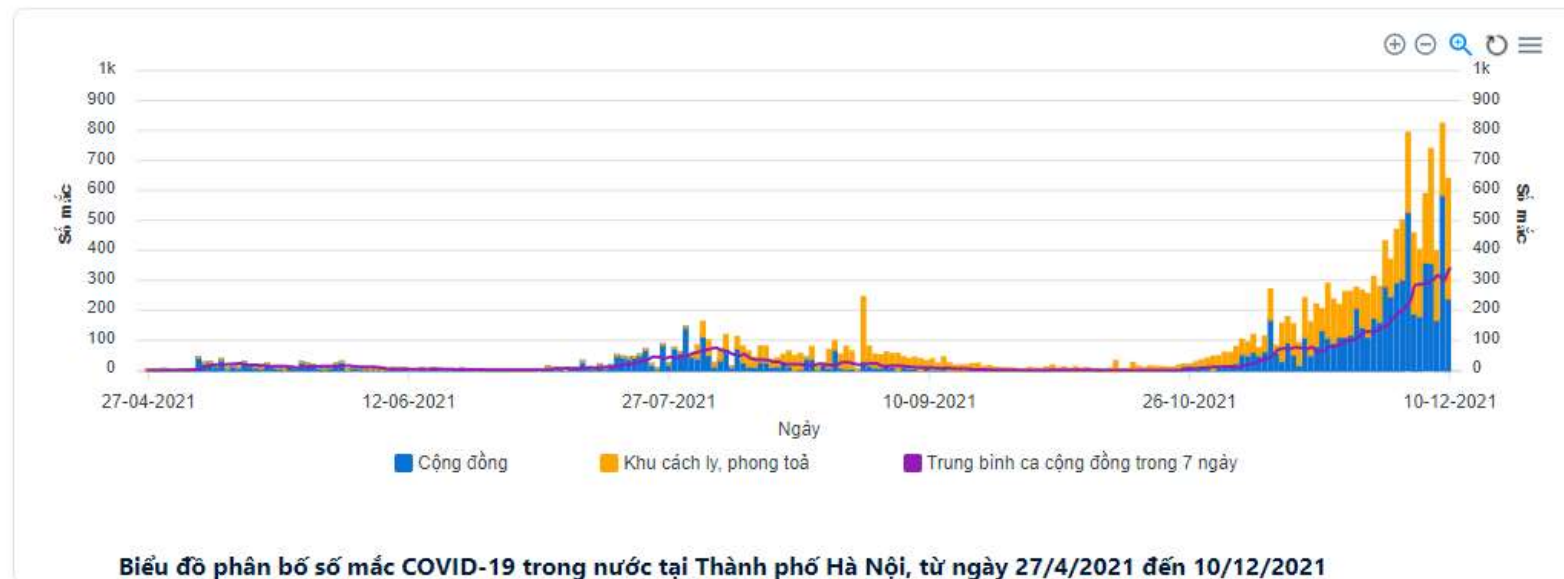
5. Tỉnh Đồng Nai



6. Tỉnh Tây Ninh



7. Thành phố Hà Nội



PHỤ LỤC 3

PHÂN BỐ VẮC XIN VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 09/12/2021)

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tổng số vắc xin phân bổ 100 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 100 đợt | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ 02 liều/dân số từ 12-17 tuổi |
|----|-------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|--------------|--|---|---|--|--|
| 1 | Hà Nội | 6.200.000 | 778.075 | 12.670.452 | 6.185.381 | 5.618.363 | 625.348 | 387 | 12.429.479 | 98,1% | 100,0% | 90,6% | 80,4% | 0,0% |
| 2 | Hải Phòng | 1.580.000 | 184.643 | 2.862.500 | 1.682.856 | 1.507.565 | 165.332 | 0 | 3.355.753 | 117,2% | 100,0% | 95,4% | 89,5% | 0,0% |
| 3 | Thái Bình | 1.373.070 | 185.000 | 2.022.060 | 1.143.260 | 525.838 | 101.619 | 12 | 1.770.729 | 87,6% | 83,3% | 38,3% | 54,9% | 0,0% |
| 4 | Nam Định | 1.272.614 | 122.612 | 1.800.640 | 1.112.602 | 580.860 | 32.273 | 1 | 1.725.736 | 95,8% | 87,4% | 45,6% | 26,3% | 0,0% |
| 5 | Hà Nam | 612.219 | 66.512 | 1.238.090 | 570.631 | 547.513 | 69.792 | 0 | 1.187.936 | 95,9% | 93,2% | 89,4% | 100,0% | 0,0% |
| 6 | Ninh Bình | 695.394 | 81.762 | 1.257.520 | 586.433 | 473.717 | 32.817 | 0 | 1.092.967 | 86,9% | 84,3% | 68,1% | 40,1% | 0,0% |
| 7 | Thanh Hoá | 2.605.729 | 417.252 | 4.682.350 | 2.270.717 | 790.715 | 0 | 0 | 3.061.432 | 65,4% | 87,1% | 30,3% | 0,0% | 0,0% |
| 8 | Bắc Giang | 1.267.538 | 145.967 | 2.325.200 | 1.266.429 | 828.224 | 124.281 | 0 | 2.218.934 | 95,4% | 99,9% | 65,3% | 85,1% | 0,0% |
| 9 | Bắc Ninh | 985.257 | 128.062 | 2.006.990 | 1.097.912 | 860.634 | 109.237 | 12 | 2.067.795 | 103,0% | 100,0% | 87,4% | 85,3% | 0,0% |
| 10 | Phú Thọ | 1.029.489 | 150.531 | 1.770.350 | 961.239 | 720.614 | 44.278 | 67 | 1.726.198 | 97,5% | 93,4% | 70,0% | 29,4% | 0,0% |
| 11 | Vĩnh Phúc | 789.896 | 126.825 | 1.524.620 | 770.506 | 610.513 | 28.749 | 3 | 1.409.771 | 92,5% | 97,5% | 77,3% | 22,7% | 0,0% |
| 12 | Hải Dương | 1.367.571 | 164.228 | 2.057.230 | 1.195.360 | 886.748 | 64.341 | 16 | 2.146.465 | 104,3% | 87,4% | 64,8% | 39,2% | 0,0% |
| 13 | Hưng Yên | 992.340 | 106.324 | 1.711.142 | 830.345 | 674.624 | 105.335 | 0 | 1.610.304 | 94,1% | 83,7% | 68,0% | 99,1% | 0,0% |
| 14 | Thái Nguyên | 938.660 | 100.121 | 1.627.910 | 813.210 | 480.896 | 20.996 | 12.865 | 1.327.967 | 81,6% | 86,6% | 51,2% | 21,0% | 12,8% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở | Dân số từ 12-17 | Tổng số vắc xin | Mũi 1 cho người | Mũi 2 cho người | Mũi 1 cho | Mũi 2 cho | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng | Tỷ lệ tiêm ít | Tỷ lệ tiêm đủ | Tỷ lệ tiêm ít | Tỷ lệ tiêm đủ |
|----------------------|-------------|--------------------|------------------|-------------------|-------------------|-------------------|------------------|----------------|-------------------|-----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| 15 | Bắc Cạn | 222.390 | 26.584 | 354.870 | 200.593 | 127.537 | 4.111 | 0 | 332.241 | 93,6% | 90,2% | 57,3% | 15,5% | 0,0% |
| 16 | Quảng Ninh | 1.013.446 | 118.979 | 2.147.238 | 971.848 | 916.788 | 119.421 | 110.336 | 2.118.393 | 98,7% | 95,9% | 90,5% | 100,0% | 92,7% |
| 17 | Hoà Bình | 680.000 | 80.321 | 1.067.180 | 523.407 | 448.884 | 71.931 | 9 | 1.044.231 | 97,8% | 77,0% | 66,0% | 89,6% | 0,0% |
| 18 | Nghệ An | 1.960.668 | 316.527 | 4.021.960 | 1.925.557 | 1.415.088 | 108.974 | 2 | 3.449.621 | 85,8% | 98,2% | 72,2% | 34,4% | 0,0% |
| 19 | Hà Tĩnh | 892.702 | 122.133 | 1.511.280 | 773.388 | 476.522 | 50.521 | 179 | 1.300.610 | 86,1% | 86,6% | 53,4% | 41,4% | 0,1% |
| 20 | Lai Châu | 282.600 | 58.294 | 538.900 | 250.053 | 229.711 | 47.569 | 1 | 527.334 | 97,9% | 88,5% | 81,3% | 81,6% | 0,0% |
| 21 | Lạng Sơn | 558.242 | 72.812 | 1.131.260 | 481.712 | 465.496 | 64.098 | 27.095 | 1.038.401 | 91,8% | 86,3% | 83,4% | 88,0% | 37,2% |
| 22 | Tuyên Quang | 535.735 | 71.916 | 1.052.290 | 515.354 | 253.089 | 297 | 0 | 768.740 | 73,1% | 96,2% | 47,2% | 0,4% | 0,0% |
| 23 | Hà Giang | 592.774 | 105.690 | 1.200.190 | 464.723 | 366.816 | 44.969 | 0 | 876.508 | 73,0% | 78,4% | 61,9% | 42,5% | 0,0% |
| 24 | Cao Bằng | 368.973 | 46.352 | 634.700 | 296.727 | 231.067 | 37.632 | 0 | 565.426 | 89,1% | 80,4% | 62,6% | 81,2% | 0,0% |
| 25 | Yên Bái | 583.117 | 88.535 | 1.055.360 | 492.294 | 468.471 | 74.607 | 0 | 1.035.372 | 98,1% | 84,4% | 80,3% | 84,3% | 0,0% |
| 26 | Lào Cai | 518.028 | 87.148 | 988.540 | 496.109 | 400.034 | 15.169 | 11.047 | 922.359 | 93,3% | 95,8% | 77,2% | 17,4% | 12,7% |
| 27 | Sơn La | 792.702 | 149.636 | 1.227.910 | 713.673 | 298.270 | 13.413 | 264 | 1.025.620 | 83,5% | 90,0% | 37,6% | 9,0% | 0,2% |
| 28 | Điện Biên | 336.229 | 74.955 | 665.730 | 325.369 | 263.055 | 54.300 | 7 | 642.731 | 96,5% | 96,8% | 78,2% | 72,4% | 0,0% |
| Cộng miền Bắc | | 31.047.383 | 4.177.796 | 57.154.462 | 28.917.688 | 21.467.652 | 2.231.410 | 162.303 | 52.779.053 | 92,3% | 93,1% | 69,1% | 53,4% | 3,9% |
| 29 | Quảng Bình | 611.974 | 84.194 | 999.870 | 519.207 | 424.390 | 27.066 | 8 | 970.671 | 97,1% | 84,8% | 69,3% | 32,1% | 0,0% |
| 30 | Quảng Trị | 463.442 | 69.712 | 869.242 | 416.527 | 337.450 | 25.308 | 473 | 779.758 | 89,7% | 89,9% | 72,8% | 36,3% | 0,7% |
| 31 | TT- Huế | 805.048 | 93.101 | 1.644.706 | 751.939 | 591.474 | 90.217 | 2 | 1.433.632 | 87,2% | 93,4% | 73,5% | 96,9% | 0,0% |
| 32 | Tp. Đà Nẵng | 885.070 | 100.000 | 1.720.782 | 857.189 | 825.630 | 99.800 | 42.953 | 1.825.572 | 106,1% | 96,8% | 93,3% | 99,8% | 43,0% |
| 33 | Quảng Nam | 1.250.469 | 127.769 | 2.190.720 | 1.015.469 | 730.128 | 0 | 0 | 1.745.597 | 79,7% | 81,2% | 58,4% | 0,0% | 0,0% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở | Dân số từ 12-17 | Tổng số vắc xin | Mũi 1 cho người | Mũi 2 cho người | Mũi 1 cho | Mũi 2 cho | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng | Tỷ lệ tiêm ít | Tỷ lệ tiêm đủ | Tỷ lệ tiêm ít | Tỷ lệ tiêm đủ |
|------------------------|------------|--------------------|------------------|-------------------|------------------|------------------|----------------|---------------|-------------------|-----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| 34 | Quảng Ngãi | 883.502 | 134.241 | 1.597.704 | 815.861 | 645.947 | 12.659 | 2 | 1.474.469 | 92,3% | 92,3% | 73,1% | 9,4% | 0,0% |
| 35 | Bình Định | 1.110.818 | 153.866 | 2.008.780 | 981.756 | 724.817 | 2.282 | 1 | 1.708.856 | 85,1% | 88,4% | 65,3% | 1,5% | 0,0% |
| 36 | Phú Yên | 616.333 | 86.632 | 1.144.054 | 595.228 | 502.811 | 30.842 | 5 | 1.128.886 | 98,7% | 96,6% | 81,6% | 35,6% | 0,0% |
| 37 | Khánh Hòa | 901.731 | 113.994 | 1.927.720 | 948.761 | 901.495 | 107.823 | 8.083 | 1.966.162 | 102,0% | 100,0% | 100,0% | 94,6% | 7,1% |
| 38 | Ninh Thuận | 428.346 | 62.771 | 927.760 | 425.237 | 366.558 | 54.199 | 36 | 846.030 | 91,2% | 100,0% | 85,6% | 86,3% | 0,1% |
| 39 | Bình Thuận | 865.494 | 114.389 | 1.742.800 | 898.272 | 668.650 | 18.894 | 68 | 1.585.884 | 91,0% | 100,0% | 77,3% | 16,5% | 0,1% |
| Cộng miền Trung | | 8.822.227 | 1.140.669 | 16.774.138 | 8.225.446 | 6.719.350 | 469.090 | 51.631 | 15.465.517 | 92,2% | 93,2% | 76,2% | 41,1% | 4,5% |
| 40 | Kon Tum | 372.446 | 65.900 | 635.240 | 311.609 | 242.379 | 42.195 | 8 | 596.191 | 93,9% | 83,7% | 65,1% | 64,0% | 0,0% |
| 41 | Gia Lai | 956.614 | 165.730 | 1.823.912 | 892.410 | 513.769 | 45.110 | 697 | 1.451.986 | 79,6% | 93,3% | 53,7% | 27,2% | 0,4% |
| 42 | Đắk Lắk | 1.362.176 | 215.220 | 2.255.210 | 1.216.583 | 764.239 | 72.944 | 122 | 2.053.888 | 91,1% | 89,3% | 56,1% | 33,9% | 0,1% |
| 43 | Đắk Nông | 404.872 | 68.900 | 840.480 | 398.486 | 374.437 | 59.576 | 2 | 832.501 | 99,1% | 100,0% | 92,5% | 86,5% | 0,0% |
| Cộng Tây Nguyên | | 3.096.108 | 515.750 | 5.554.842 | 2.819.088 | 1.894.824 | 219.825 | 829 | 4.934.566 | 88,8% | 91,1% | 61,2% | 42,6% | 0,2% |
| 44 | TP. HCM | 7.208.800 | 742.368 | 15.055.080 | 7.287.997 | 6.202.004 | 675.804 | 619.983 | 14.785.788 | 98,2% | 100,0% | 86,0% | 91,0% | 83,5% |
| 45 | BR-VT | 891.244 | 117.755 | 2.069.510 | 957.419 | 830.633 | 106.490 | 30.971 | 1.925.513 | 93,0% | 100,0% | 93,2% | 90,4% | 26,3% |
| 46 | Đồng Nai | 2.384.309 | 295.738 | 5.074.570 | 2.691.365 | 2.287.712 | 79.802 | 1.704 | 5.060.583 | 99,7% | 100,0% | 95,9% | 27,0% | 0,6% |
| 47 | Tiền Giang | 1.488.385 | 143.623 | 3.005.910 | 1.297.193 | 1.195.816 | 150.367 | 103 | 2.643.479 | 87,9% | 87,2% | 80,3% | 100,0% | 0,1% |
| 48 | Long An | 1.361.733 | 167.662 | 3.033.100 | 1.485.981 | 1.414.641 | 159.697 | 255 | 3.060.574 | 100,9% | 100,0% | 100,0% | 95,2% | 0,2% |
| 49 | Lâm Đồng | 901.167 | 132.000 | 1.987.874 | 963.652 | 905.675 | 125.882 | 154 | 1.995.363 | 100,4% | 100,0% | 100,0% | 95,4% | 0,1% |
| 50 | Tây Ninh | 977.624 | 88.220 | 2.091.000 | 859.863 | 781.038 | 85.867 | 66.189 | 1.792.957 | 85,7% | 88,0% | 79,9% | 97,3% | 75,0% |
| 51 | Cần Thơ | 941.769 | 100.509 | 2.167.168 | 908.362 | 851.123 | 103.007 | 241 | 1.862.733 | 86,0% | 100,0% | 90,4% | 100,0% | 0,2% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở | Dân số từ 12-17 | Tổng số vắc xin | Mũi 1 cho người | Mũi 2 cho người | Mũi 1 cho | Mũi 2 cho | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng | Tỷ lệ tiêm ít | Tỷ lệ tiêm đủ | Tỷ lệ tiêm ít | Tỷ lệ tiêm đủ |
|----------------------|------------|--------------------|------------------|-------------------|-------------------|-------------------|------------------|----------------|-------------------|-----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| 52 | Sóc Trăng | 861.361 | 110.630 | 2.159.760 | 827.377 | 728.146 | 105.042 | 16.963 | 1.677.528 | 77,7% | 96,1% | 84,5% | 94,9% | 15,3% |
| 53 | An Giang | 1.457.127 | 188.268 | 3.164.252 | 1.322.901 | 1.234.947 | 171.903 | 29.559 | 2.759.310 | 87,2% | 90,8% | 84,8% | 91,3% | 15,7% |
| 54 | Bến Tre | 980.652 | 104.446 | 1.917.620 | 975.802 | 841.431 | 100.773 | 349 | 1.918.355 | 100,0% | 100,0% | 85,8% | 96,5% | 0,3% |
| 55 | Trà Vinh | 734.794 | 87.422 | 1.388.510 | 787.383 | 467.472 | 75.059 | 0 | 1.329.914 | 95,8% | 100,0% | 63,6% | 85,9% | 0,0% |
| 56 | Vĩnh Long | 769.026 | 87.313 | 1.768.230 | 761.415 | 710.727 | 90.583 | 84.047 | 1.646.772 | 93,1% | 99,0% | 92,4% | 100,0% | 96,3% |
| 57 | Đồng Tháp | 1.181.264 | 155.495 | 2.815.710 | 1.101.852 | 965.231 | 138.026 | 21 | 2.205.130 | 78,3% | 93,3% | 81,7% | 88,8% | 0,0% |
| 58 | Bình Dương | 2.381.252 | 150.950 | 4.907.570 | 2.404.716 | 1.831.948 | 114.962 | 2.592 | 4.354.218 | 88,7% | 101,0% | 76,9% | 76,2% | 1,7% |
| 59 | Bình Phước | 758.594 | 131.058 | 1.563.160 | 744.852 | 641.064 | 103.234 | 86 | 1.489.236 | 95,3% | 100,0% | 84,5% | 78,8% | 0,1% |
| 60 | Kiên Giang | 1.248.338 | 189.132 | 3.044.000 | 1.210.298 | 893.287 | 49.303 | 5.034 | 2.157.922 | 70,9% | 97,0% | 71,6% | 26,1% | 2,7% |
| 61 | Cà Mau | 857.571 | 142.451 | 1.712.730 | 759.971 | 815.234 | 101.721 | 52.336 | 1.729.262 | 101,0% | 88,6% | 95,1% | 71,4% | 36,7% |
| 62 | Bạc Liêu | 675.288 | 90.822 | 1.304.790 | 559.908 | 494.237 | 86.435 | 2.915 | 1.143.495 | 87,6% | 82,9% | 73,2% | 95,2% | 3,2% |
| 63 | Hậu Giang | 536.163 | 70.423 | 1.190.250 | 529.829 | 478.082 | 74.042 | 68.697 | 1.150.650 | 96,7% | 98,8% | 89,2% | 100,0% | 97,5% |
| Cộng miền Nam | | 28.596.461 | 3.296.285 | 61.420.794 | 28.438.136 | 24.570.448 | 2.697.999 | 982.199 | 56.688.782 | 92,3% | 99,4% | 85,9% | 81,8% | 29,8% |

Ghi chú:

- 748.700 liều vắc xin AstraZeneca đợt 98, 99 có Quyết định phân bổ ngày 6/12/2021 và 1.145.300 liều vắc xin AstraZeneca đợt 100 có Quyết định phân bổ ngày 07/12/2021, các địa phương đang tổ chức tiếp nhận vắc xin.
- Tỉnh Thanh Hoá mới được phân bổ hơn 600.000 liều vắc xin đợt 96 và 98 nên tỷ lệ tiêm/số vắc xin được phân bổ thấp.
- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 49.810 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 320.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát và Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam), số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.296.330 liều, đã triển khai tiêm được 1.104.870 liều, trong đó có 576.895 liều mũi 1 và 527.975 liều mũi 2 (bao gồm 1.073.817 liều do đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng triển khai và số tiêm do các tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai).
- Bộ Công an được cấp 817.080 liều, đã triển khai tiêm được 691.108 liều, trong đó có 412.116 liều mũi 1 và 278.992 liều mũi 2 (bao gồm 91.607 liều do đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng triển khai và số tiêm do các tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai).

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 09/12/2021 đến 16h00 ngày 10/12/2021:

- Tổng xuất nhập cảnh: 5.444 lượt người (nhập cảnh: 2.442, xuất cảnh: 3.002).
- + Tuyến VN-TQ: 2.943 lượt người (nhập cảnh: 1.261, xuất cảnh: 1.682).
- + Tuyến VN-Lào: 2.104 lượt người (nhập cảnh 1.078, xuất cảnh: 1.026).
- + Tuyến VN-CPC: 397 lượt người (nhập cảnh 103; xuất cảnh: 294).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 278 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu 158 người (VN-TQ: 02, VN-Lào: 47, VN-CPC: 109).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 114 người (VN-TQ: 40; VN-Lào: 04, VN-CPC: 70).
 - + Số người trao trả: 06 người (VN-TQ: 06; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 07/12/2021 tới ngày 08/12/2021:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 621 lượt người (nhập cảnh: 103 lượt người; xuất cảnh: 518 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 1.354 lượt người (nhập cảnh: 479 lượt người; xuất cảnh: 875 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 10/12, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 44 tin/bài tiếng Việt; 131 ảnh trong nước và quốc tế; 19 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện nhiều đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh ở Việt Nam: 63 tỉnh/thành phố trên cả nước triển khai đánh giá, công bố cấp độ dịch; công tác tiêm vaccine phòng COVID-19: 57 tỉnh/thành phố tiêm vaccine cho người trong độ tuổi 12-17; TP HCM triển khai tiêm vaccine mũi 3...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN tiếp tục cập nhật chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia, Bộ Y tế về phòng, chống dịch COVID-19; diễn biến dịch COVID-19 tại các địa phương, một số nơi điều chỉnh tăng cấp độ phòng chống dịch; phổ biến thực hiện điều trị F0 tại nhà; điều chỉnh, phân tầng các bệnh viện để đón bệnh nhân COVID-19; tổ chức tiêm vaccine cho đối tượng 12-17 tuổi và từng bước cho học sinh đến trường; nỗ lực của các địa phương trong việc tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; tăng tốc thực hiện công

tác tiêm chủng; công tác hỗ trợ đời sống cho người dân gặp khó khăn và công tác phòng, chống dịch; xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng, chống dịch; tiếp tục khuyến cáo người dân không chủ quan, lơ là trong công tác phòng, chống dịch...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật tình hình dịch bệnh trên thế giới, với một số thông tin đáng chú ý như: Singapore ghi nhận ca nhiễm biến thể Omicron đầu tiên trong cộng đồng, trong khi các nước ghi nhận thêm nhiều ca nhiễm biến thể này, Maroc tiếp tục đình chỉ các chuyến bay quốc tế, Brazil cách ly người nhập cảnh chưa tiêm vaccine, diễn biến dịch và chiến dịch tiêm chủng vaccine ngừa COVID-19 tại một số nước...

IV. Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương và Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 08/12, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 9.438.000 cuộc gọi (ngày 08/12 đã tiếp nhận và xử lý gần 15 nghìn cuộc gọi).

| 28/11 | 29/11 | 30/11 | 01/12 | 02/12 | 03/12 | 04/12 | 05/12 | 06/12 | 07/12 | 08/12 |
|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 25120 | 24560 | 23005 | 21121 | 18475 | 17269 | 15229 | 13618 | 15567 | 14705 | 14744 |

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5 – 08/12 đã tiếp nhận gần 305 nghìn cuộc (ngày 08/12 đã tiếp nhận 161 cuộc). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5 – 08/12 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (từ 02/11- 08/12 không thực hiện gọi ra).

| Tiêu chí | 29/11 | 30/11 | 01/12 | 02/12 | 03/12 | 04/12 | 05/12 | 06/12 | 07/12 | 08/12 |
|--------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Cuộc gọi đến | 267 | 215 | 243 | 265 | 258 | 254 | 206 | 223 | 242 | 161 |

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC- Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 31.674.375

(+107 ngàn so với 8/12, tăng 16.041 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 33,02% dân số, 47,50% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:
- + 3.482.424 điểm đăng ký
- + 313.371 điểm ghi nhận hoạt động.

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 130.062.767
- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 125.875.290
- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 96,78%
- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 30.242.659
- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu là 10.291.577 (tăng 69.367 người)

- Tổng số mẫu các địa phương nhập vào nền tảng cụ thể: 69.367 người

| | |
|----------------|--------|
| Đồng Nai | 6.493 |
| Bắc Giang | 37.186 |
| Quảng Bình | 9.853 |
| Thừa Thiên Huế | 7.037 |
| Đồng Tháp | 3.020 |
| Khánh Hòa | 1.105 |
| Thái Nguyên | 1.056 |
| Sóc Trăng | 600 |
| Bình Phước | 1.196 |
| Yên Bái | 343 |
| An Giang | 463 |
| Lào Cai | 87 |
| Bình Dương | 253 |
| Hà Nội | 256 |
| Tây Ninh | 171 |
| Bắc Ninh | 132 |
| Đắk Nông | 26 |
| Bình Định | 24 |
| Phú Yên | 38 |

| | |
|---|--------|
| Vĩnh Phúc | 25 |
| Quảng Ninh | 3 |
| - Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 3.423.736 (tăng 27.751 người) | |
| Quảng Ninh | 754 |
| Hải Dương | 315 |
| Bình Thuận | 245 |
| TPHCM | 1925 |
| Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh | 175 |
| Bình Định | 24 |
| Yên Bái | 7 |
| Bệnh viện Quy Hòa | 34 |
| Thái Nguyên | 144 |
| An Giang | 669 |
| Bắc Giang | 16.740 |
| Bình Dương | 113 |
| Bình Phước | 17 |
| Đắk Nông | 74 |
| Đồng Nai | 1.403 |
| Đồng Tháp | 66 |
| Hà Nội | 105 |
| Khánh Hòa | 875 |
| Quảng Bình | 650 |
| Sóc Trăng | 32 |
| Thừa Thiên Huế | 707 |
| Tiền Giang | 8 |
| TTYT Thanh Thủy - Phú Thọ | 3 |
| Phòng khám đa khoa An Phúc - Trà Vinh | 65 |
| Bệnh viện sản nhi TWG Long An | 35 |
| Phòng khám đa khoa Bắc Hà - Bắc Ninh | 33 |
| Quốc hội | 3 |
| SOVICO | 2.528 |
| Viện sốt rét ký sinh trùng côn trùng Quy Nhơn | 2 |

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.
- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...